

Số: 522/QĐ-DBV

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu thủy nội địa

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GD/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDC43/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 06/5/2025 cho phép đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tài sản Kỹ thuật - Hàng hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy tắc bảo hiểm TNDS chủ tàu thủy nội địa**” của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 196/2019/QĐ-BHHK ngày 01/04/2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, các Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (để b/c);
- Lưu VT, Ban TSKT-HH.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



Tào Thị Thanh Hoa

QUY TẮC
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ
CHỦ TÀU THUỶ NỘI ĐỊA

*(Ban hành theo Quyết định số 522/QĐ-DBV ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV)*

CHƯƠNG I
ĐỐI TƯỢNG BẢO HIỂM

Điều 1: Đối tượng bảo hiểm

Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (DBV) nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu cho các chủ phương tiện thủy có đăng ký, đăng kiểm theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt nam hoạt động trên đường thủy nội địa Việt Nam.

Phương tiện thủy nội địa (gọi tắt là “tàu”) nói trong Quy tắc này bao gồm các loại phương tiện tự hành hoặc không tự hành dùng để chuyên chở hàng hoá, hành khách, nguyên nhiên liệu hoặc chuyên dùng để lai dắt, cứu hộ,... (không bao gồm tàu phục vụ và đánh bắt thủy hải sản) hoạt động trên đường thủy nội địa Việt Nam.

Đường thủy nội địa trong Quy tắc này bao gồm các tuyến đường thủy có khả năng khai thác giao thông vận tải trên các sông, kênh, rạch, cửa sông, hồ, vịnh, ven bờ biển, đường ra đảo, đường nối các đảo thuộc nội thủy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG II
PHẠM VI BẢO HIỂM

Điều 2: Giới hạn bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu

Trách nhiệm cao nhất của DBV đối với mỗi vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm là thiệt hại thực tế do tàu được bảo hiểm gây ra mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Tòa án nhưng không vượt quá các giới hạn trách nhiệm đã ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có).



Điều 3: Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu ngoài hợp đồng

Với loại hình bảo hiểm này, DBV nhận trách nhiệm bồi thường:

1. Những chi phí thực tế phát sinh từ hoạt động của tàu được bảo hiểm mà chủ tàu phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật cũng như theo quyết định của Tòa án gồm:
 - a) Chi phí tẩy rửa ô nhiễm dầu, tiền phạt của chính quyền địa phương và các khiếu nại về hậu quả do ô nhiễm dầu gây ra.
 - b) Chi phí thấp sáng, đánh dấu, phá hủy, di chuyển xác tàu được bảo hiểm bị đắm (nếu có). DBV chỉ chịu trách nhiệm đối với xác tàu khi chủ tàu tuyên bố từ bỏ tàu.
 - c) Chi phí cần thiết và hợp lý trong việc ngăn ngừa và hạn chế tổn thất, trợ giúp cứu nạn.
 - d) Chi phí liên quan tới việc tố tụng, tranh chấp khiếu nại về trách nhiệm dân sự.
 - e) Chi phí khi thực hiện nghĩa vụ hay các biện pháp cần thiết nhằm mục đích cứu sinh mạng trên biển, sông, hồ với điều kiện Người được bảo hiểm có nghĩa vụ pháp lý đối với các chi phí đó và các chi phí đó không thể đòi được từ Người thứ ba.
2. Trách nhiệm mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật do tàu được bảo hiểm gây ra làm:
 - a) Thiệt hại cầu cảng, đê đập, kè công, bè mảng, giàng đáy, công trình trên bờ hoặc dưới nước, cố định hoặc di động.
 - b) Bị thương hoặc thiệt hại tính mạng, tài sản của người thứ ba khác (không phải là thuyền viên, hành khách trên tàu được bảo hiểm).
3. Trách nhiệm đâm va:

DBV nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí thực tế phát sinh từ tai nạn đâm va giữa tàu được bảo hiểm với tàu khác mà chủ tàu được bảo hiểm có trách nhiệm phải bồi thường cho người khác, nhưng không vượt quá giới hạn trách nhiệm đã được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm về:

 - a) Thiệt hại hư hỏng đối với tàu khác hay tài sản trên tàu đâm va với tàu được bảo hiểm.
 - b) Chậm trễ hay mất thời gian sử dụng tàu khác hay tài sản trên tàu đâm va với tàu được bảo hiểm.
 - c) Tổn thất chung, cứu nạn hay cứu hộ theo hợp đồng của tàu khác hay tài sản trên tàu đâm va với tàu được bảo hiểm.



- d) Trục vớt, di chuyển hoặc phá hủy xác tàu đắm và vớt tàu được bảo hiểm.
- e) Thuyền viên trên tàu đắm và vớt tàu được bảo hiểm bị chết hoặc bị thương.
- f) Tẩy rửa ô nhiễm do tàu đắm và vớt tàu được bảo hiểm gây ra.

DBV cũng nhận trách nhiệm bồi thường trong trường hợp tàu được bảo hiểm đắm và vớt tàu cùng chủ hoặc cùng quyền quản lý.

Điều 4: Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với thuyền viên

DBV nhận trách nhiệm bồi thường chi phí mà chủ tàu phải gánh chịu theo quy định của pháp luật đối với:

- 1. Tai nạn, chết, thương tật và các tổn thất vật chất của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm.
- 2. Chi phí y tế, chi phí mai táng liên quan đến tai nạn, chết của thuyền viên trên tàu được bảo hiểm.
- 3. Lương và các khoản phụ cấp lương hoặc trợ cấp của thuyền viên trong trường hợp tàu được bảo hiểm bị tổn thất toàn bộ.

Điều 5: Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hàng hóa chuyên chở

- 1. Đối với tàu chở hàng, DBV nhận trách nhiệm bồi thường những thiệt hại thực tế do mất mát, hư hỏng hàng hóa chuyên chở trên tàu được bảo hiểm do lỗi của chủ tàu, thuyền viên, người làm công trong việc bốc hàng, sắp xếp, vận chuyển, chăm sóc, dỡ hàng và giao hàng.
- 2. DBV không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:
 - a. Hàng hóa chuyên chở trên tàu được bảo hiểm mà không có chứng từ chuyên chở, chứng từ giao hàng được phát hành theo các quy định của pháp luật.
 - b. Mất mát, hư hỏng hàng hóa chuyên chở do những hành vi ăn cắp hoặc thiếu hụt tự nhiên.
 - c. Hàng hóa chuyên chở bị hư hỏng do ản tỳ, mối, mọt, chuột.
 - d. Hàng hóa là súc vật sống (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Người được bảo hiểm và DBV).

Điều 6: Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với hành khách

Đối với tàu chở khách, DBV nhận trách nhiệm bồi thường đối với:

- 1. Những chi phí mà Người được bảo hiểm phải gánh chịu theo quy định của pháp luật do hành khách có vé đi tàu bị thương, ốm đau, chết do lỗi của chủ tàu, thuyền viên, người làm công.

2. Những chi phí mà Người được bảo hiểm phải gánh chịu theo quy định của pháp luật đối với hành khách có vé đi tàu do hậu quả tai nạn của tàu được bảo hiểm (ngoài những rủi ro đã quy định ở khoản 1 Điều này) kể cả chi phí đưa hành khách tới bến đến hoặc quay trở lại bến đi.

Điều 7: Bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu đối với phương tiện được lai kéo

Đối với tàu kéo, DBV nhận trách nhiệm bồi thường những chi phí mà chủ tàu được bảo hiểm phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật đối với:

1. Các tổn thất của phương tiện được lai kéo gây ra do lỗi của tàu được bảo hiểm trong quá trình lai kéo, bao gồm:
 - a. Thiệt hại về thân thể của thuyền viên và người thứ ba khác trên phương tiện được lai kéo.
 - b. Thiệt hại của phương tiện được lai kéo, chi phí cứu hộ, chi phí trục vớt, di chuyển xác phương tiện được lai kéo. DBV sẽ giải quyết bồi thường trong trường hợp tàu được bảo hiểm lai kéo tàu cùng chủ hoặc cùng quyền quản lý như trong trường hợp mỗi tàu thuộc một chủ tàu riêng biệt với điều kiện Người được bảo hiểm phải thông báo trước cho DBV khi yêu cầu bảo hiểm.
 - c. Thiệt hại, hư hỏng hàng hóa được chuyên chở trên phương tiện được lai kéo. DBV chỉ chịu trách nhiệm đối với hàng hóa chuyên chở trên phương tiện được lai kéo nếu hàng hóa này có chứng từ chuyên chở, chứng từ giao hàng được phát hành theo các quy định của pháp luật.
2. Các tổn thất của người thứ ba gây ra bởi đoàn phương tiện lai kéo do lỗi của tàu được bảo hiểm trong quá trình lai kéo, bao gồm:
 - a. Bị thương hoặc thiệt hại tính mạng, tài sản của người thứ ba khác.
 - b. Thiệt hại cầu cảng, đê đập, kè cống, bè mảng, giàng đáy, công trình trên bờ hoặc dưới nước, cố định hoặc di động.
 - c. Các thiệt hại của tàu khác do đâm va với đoàn phương tiện lai kéo.

Theo điều này, tàu lai kéo được hiểu là các phương tiện chuyên dùng để lai kéo, đẩy, lai áp mạn.

CHƯƠNG III

LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 8: Những rủi ro loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường nếu tổn thất xảy ra có thể trực tiếp hoặc gián tiếp được quy hợp lý bởi những nguyên nhân sau:

✓



1. Hành động cố ý hoặc cầu thả của Người được bảo hiểm hoặc người thừa hành như: người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên.
2. Vi phạm lệnh cấm do các cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành hoặc hoạt động kinh doanh trái phép.
3. Vi phạm nghiêm trọng luật giao thông đường thủy nội địa, bao gồm:
 - a. Thuyền viên trong khi làm nhiệm vụ chịu ảnh hưởng của rượu, bia, ma túy hoặc các chất kích thích tương tự khác.
 - b. Tàu đi vào tuyến, luồng cấm.
 - c. Tàu chở khách, chở hàng quá tải.
 - d. Tàu vận chuyển hàng hóa độc hại, chất nổ hoặc các chất nguy hiểm khác.
 - e. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
4. Thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên không có bằng hoặc chứng chỉ theo quy định.
5. Do cũ kỹ hay bị hao mòn tự nhiên của vỏ, máy móc hoặc trang thiết bị của tàu.
6. Tàu bị mắc cạn bởi ảnh hưởng của thủy triều hoặc con nước lên xuống trong lúc đang neo đậu.
7. Trừ khi có thỏa thuận khác, DBV không chịu trách nhiệm bồi thường mọi tổn thất hoặc những chi phí phát sinh do:
 - a) Rủi ro chiến tranh hoặc những rủi ro tương tự chiến tranh;
 - b) Bị cướp, bị bắt giữ tàu tại bất cứ nơi nào vì bất cứ lý do gì;
 - c) Tàu được trưng dụng hoặc sử dụng vào mục đích quân sự;
 - d) Hành động phá hoại hoặc khủng bố có tính chất chính trị;
 - e) Bất cứ vụ nổ của các loại vũ khí hoặc chất nổ nào;
 - f) Rủi ro nguyên tử.

Điều 9: Những chi phí loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường đối với những chi phí có liên quan dưới đây:

1. Chi phí liên quan đến việc chậm trễ của tàu hoặc hàng hoá bị giảm giá trị, bị mất thị trường hoặc chi phí liên quan đến sản xuất kinh doanh của tàu được bảo hiểm.
2. Mọi số tiền có thể được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm thân tàu.

Điều 10: Những trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

DBV không chịu trách nhiệm bồi thường trong những trường hợp sau:

1. Tàu không đủ khả năng hoạt động, không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật còn hiệu lực và các giấy chứng nhận khả năng hoạt động khác còn hiệu lực theo yêu cầu của cơ quan đăng kiểm.
2. Tàu hoạt động ngoài phạm vi quy định.
3. Tàu neo đậu mà không được neo, buộc chắc chắn, không có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm (trừ khi thực hiện theo lệnh, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
4. Hư hỏng mất mát và tổn thất liên quan đến tiền mặt, các loại giấy tờ có giá, kim loại quý, đá quý, đồ vật giá trị quý hiếm, tác phẩm nghệ thuật, bộ sưu tập hoặc các tài sản không cần thiết cho một chuyến đi thông thường của tàu.

CHƯƠNG IV

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Điều 11: Yêu cầu và chấp nhận bảo hiểm

1. **Yêu cầu bảo hiểm:** Khi tham gia bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải gửi cho DBV Giấy yêu cầu bảo hiểm (theo mẫu của DBV). Để xem xét nhận bảo hiểm, DBV có thể yêu cầu Người được bảo hiểm cung cấp các tài liệu sau:
 - a. Giấy chứng nhận đăng ký tàu.
 - b. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy chứng nhận khả năng hoạt động khác của tàu do cơ quan Đăng kiểm cấp.
 - c. Biên bản kiểm tra tàu khi giao nhận tàu hoặc Biên bản kiểm tra từng phần của đăng kiểm, Sổ đăng kiểm.
 - d. Lịch sử tổn thất của tàu xảy ra trước khi yêu cầu bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm cũ (nếu có).
2. **Chấp nhận bảo hiểm:** Trên cơ sở Giấy yêu cầu bảo hiểm và các thông tin về tàu được bảo hiểm do Người được bảo hiểm cung cấp, DBV sẽ xem xét để nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm/Hợp đồng bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm, các Giấy sửa đổi bổ sung đính kèm và chứng từ thanh toán phí bảo hiểm là bộ phận cấu thành Hợp đồng bảo hiểm. Ngày cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm được coi là ngày ký Hợp đồng bảo hiểm.

DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tàu trước khi nhận bảo hiểm.

Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm, DBV có quyền yêu cầu được kiểm tra tình trạng chung của tàu, DBV sẽ thông báo chấm dứt hiệu lực bảo hiểm hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm cho đến khi tàu được sửa chữa lại phù hợp với các quy phạm của cơ đăng kiểm.

Điều 12: Phí bảo hiểm và thời hạn nộp phí bảo hiểm

1. Phí bảo hiểm:

- a. Phí bảo hiểm được tính trên cơ sở mức trách nhiệm bảo hiểm và tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho tàu tham gia bảo hiểm theo các điều kiện bảo hiểm cụ thể.
- b. Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm tại nơi và thời hạn quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, Phụ lục hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.

2. Thời hạn nộp phí bảo hiểm:

Thời hạn nộp phí bảo hiểm được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo hiểm, phụ lục hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn (chậm nhất) theo thời hạn ghi trên các tài liệu nêu trên. Trường hợp Người được bảo hiểm chậm thanh toán, nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản thì:

- a. Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm mặc nhiên chấm dứt hiệu lực dù DBV có hay không thông báo tới Người được bảo hiểm bằng văn bản và mọi tổn thất phát sinh liên quan đến đối tượng được bảo hiểm sẽ không thuộc trách nhiệm của DBV trong suốt thời gian của Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực.
- b. Trường hợp Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm theo đúng quy định, ngoài việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm vẫn phải nộp số phí cho thời gian đã bảo hiểm dù tàu có bị tổn thất hay không.

3. Thanh toán phí bảo hiểm trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ.

Người được bảo hiểm phải nộp toàn bộ số phí bảo hiểm cho DBV trong trường hợp tàu bị tổn thất toàn bộ thuộc trách nhiệm bảo hiểm của DBV trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày DBV chấp nhận thông báo tổn thất toàn bộ của Người được bảo hiểm.

Trường hợp tổn thất toàn bộ tàu không thuộc trách nhiệm bảo hiểm của DBV, Người được bảo hiểm phải nộp phí bảo hiểm cho thời gian được bảo hiểm đến khi xảy ra tổn thất toàn bộ nhưng không dưới phí bảo hiểm tính cho 30 (ba mươi) ngày.

Điều 13: Hoàn phí bảo hiểm.

Trường hợp Người được bảo hiểm và DBV thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu bằng văn bản, DBV sẽ hoàn lại:

- 80% (tám mươi phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt trong trường hợp Người được bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hợp đồng.
- 100% (một trăm phần trăm) số phí bảo hiểm đã nộp cho thời gian bảo hiểm chưa đến hạn tính từ ngày Hợp đồng được chấp nhận chấm dứt trong trường hợp DBV yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

Việc hoàn phí sẽ được thực hiện sau khi chấm dứt hợp đồng với điều kiện tàu chưa xảy ra tổn thất hoặc khiếu nại tiền bồi thường trong suốt thời gian bảo hiểm.

Điều 14: Thời hạn bảo hiểm.

1. Bảo hiểm theo thời hạn:

Thời hạn bảo hiểm được quy định cụ thể trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm, dài nhất không quá 12 (mười hai) tháng, ngắn nhất không dưới 03 (ba) tháng.

2. Bảo hiểm chuyển:

Thời hạn bảo hiểm chuyển được tính kể từ lúc tàu tháo gỡ dây chằng cột hoặc nhổ neo để bắt đầu chuyến đi và chấm dứt hiệu lực sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi thả neo hoặc được cột vào bờ ở nơi đến ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm (nếu có) và trong mọi trường hợp không vượt quá 01 (một) tháng.

3. Gia hạn Hợp đồng bảo hiểm:

Khi Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm đã hết thời hạn bảo hiểm mà tàu còn đang trên chuyến hành trình hoặc đang gặp nguy hiểm hay đang ghé vào một nơi nào đó để lánh nạn thì tàu vẫn có thể được tiếp tục bảo hiểm cho đến khi về neo cột an toàn tại cảng, nếu Người được bảo hiểm phải kịp thời xin gia hạn Hợp đồng và thỏa thuận nộp thêm phí bảo hiểm theo yêu cầu của DBV.

4. Chấm dứt hiệu lực bảo hiểm:

Trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản, hiệu lực bảo hiểm theo Quy tắc này sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau:

✓



- a. Người được bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng bảo hiểm hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản).
- b. Thay đổi cơ quan đăng kiểm của tàu mà không thông báo cho DBV biết bằng văn bản.
- c. Tàu bị đình chỉ hoạt động.
- d. Tàu được chuyển chủ (trừ khi chủ tàu đã thông báo cho DBV và được DBV chấp nhận bằng văn bản).
- e. Người được bảo hiểm cho thuê tàu trần (trừ khi chủ tàu đã thông báo cho DBV và được DBV chấp nhận bằng văn bản).
- f. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các giấy tờ đăng kiểm khác của tàu mất hiệu lực hay hết thời hạn.
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với trường hợp giấy phép hoạt động và các giấy tờ đăng kiểm của tàu là hợp lệ nhưng hết thời hạn mà tàu còn đang ở ngoài khơi thì việc chấm dứt hiệu lực bảo hiểm sẽ được hoãn lại cho đến khi tàu đến cảng kế tiếp đầu tiên với điều kiện là hành trình của tàu bị kéo dài hợp lý và Người được bảo hiểm đã thông báo cho DBV biết trước bằng văn bản.

CHƯƠNG V

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 15: Nghĩa vụ cung cấp thông tin.

1. Người được bảo hiểm phải thông báo chính xác, đầy đủ mọi thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm vào thời điểm ký kết Hợp đồng để DBV có thể đánh giá mức độ rủi ro và chấp nhận bảo hiểm.
2. Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm được ký kết, các thông tin liên quan đến tàu được bảo hiểm được cung cấp cho DBV khi ký kết Hợp đồng bảo hiểm có sự thay đổi, Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho DBV biết, đặc biệt là những thay đổi liên quan đến tình trạng tàu được bảo hiểm: thay đổi kết cấu tàu, thay máy tàu...
3. DBV có thể cấp Giấy sửa đổi bổ sung về những sự thay đổi đó và thu thêm phí bảo hiểm nếu xét thấy những sự thay đổi đó làm tăng thêm rủi ro và trách nhiệm bảo hiểm của DBV.

Điều 16: Tình trạng tàu và điều hành tàu.

Người được bảo hiểm và người thừa hành như người đại lý, đại diện hoặc thuyền trưởng, sỹ quan và thuyền viên phải tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động giao thông thủy nội địa, bao gồm:

1. Tàu phải được đóng mới, hoán cải, trang bị thiết bị, bảo quản, khai thác theo đúng các quy phạm kỹ thuật của đăng kiểm đối với tàu hoạt động trong vùng nước liên quan.
2. Thuyền viên trên tàu phải đủ số lượng, có bằng cấp và chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Khi neo đậu, tàu phải được neo, buộc chắc chắn và phải có thuyền viên trực, trông tàu dù ban ngày hay ban đêm để đảm bảo có hành động can thiệp ngay lập tức khi có tình huống nguy hiểm.

Người được bảo hiểm và người thừa hành phải hỗ trợ DBV hoặc người được DBV ủy quyền kiểm tra tình trạng tàu và hàng hóa chuyên chở trên tàu khi được DBV yêu cầu.

Điều 17: Đề phòng và hạn chế tổn thất

Người được bảo hiểm phải thực hiện mọi biện pháp có thể để ngăn chặn tàu được bảo hiểm gặp phải sự kiện bảo hiểm hoặc hạn chế hậu quả có thể xảy ra. Khi xảy ra tổn thất có liên quan đến trách nhiệm của DBV, Người được bảo hiểm phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ, cứu hộ tàu được bảo hiểm, hạn chế tổn thất xảy ra.

DBV có thể cùng tham gia hoặc thay thế Người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp đề phòng và hạn chế tổn thất này mà không phải là sự chấp nhận bồi thường và không làm phương hại quyền và nghĩa vụ mỗi bên.

Điều 18: Thông báo tổn thất.

Khi xảy ra tai nạn, Người được bảo hiểm phải thực hiện đầy đủ những quy định sau đây:

1. Trình báo ngay cho chính quyền địa phương, công an hoặc đơn vị quản lý đường thủy nội địa gần nhất để lập biên bản theo quy định.
2. Thông báo ngay cho DBV và thông báo bằng văn bản cho DBV biết chậm nhất không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn hoặc từ ngày tàu về đến bến, cảng đầu tiên.
3. Người được bảo hiểm phải thông báo và chuyển cho DBV ngay khi nhận được thông tin, thư khiếu nại, biên bản, chứng từ pháp lý liên quan đến vụ tai nạn.

4. Nếu người được bảo hiểm vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Chương V này, DBV có quyền từ chối bồi thường một phần hoặc toàn bộ số tiền khiếu nại.

CHƯƠNG VI

GIÁM ĐỊNH VÀ BỒI THƯỜNG TỒN THẤT

Điều 19: Giám định tổn thất.

1. Khi nhận được thông báo về tổn thất của Người được bảo hiểm hoặc người đại diện, DBV sẽ chỉ định Người giám định tiến hành giám định để xác định nguyên nhân, mức độ hư hỏng và tổn thất. Người được bảo hiểm phải thu xếp và tạo điều kiện tốt nhất để Người giám định tiến hành giám định tổn thất và giải quyết tai nạn ngay khi có thể. Việc giám định phải được thực hiện trước khi tiến hành sửa chữa các tổn thất của tàu trừ khi tiến hành sửa chữa các tổn thất của tàu trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của DBV. Trong quá trình giám định và giải quyết tai nạn, Người giám định có thể yêu cầu sự chứng kiến của thuyền trưởng, đại diện chủ tàu và những nhân chứng có liên quan. Chi phí giám định tổn thất do DBV chi trả.
2. Trong Trường hợp Người được bảo hiểm không thống nhất về nguyên nhân và mức độ tổn thất thì có thể trưng cầu giám định viên độc lập và tự chịu chi trả phí giám định đó.
3. Trong trường hợp hồ sơ khiếu nại không có Biên bản giám định của Người giám định được DBV chỉ định, DBV có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

Điều 20: Bồi thường thiệt hại cho người thứ ba.

1. Trường hợp tàu được bảo hiểm gây ra tổn thất cho người thứ ba mà có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của DBV thì người được bảo hiểm phải làm theo sự chỉ dẫn của DBV hoặc đại diện do DBV chỉ định. Người được bảo hiểm không được tự ý công nhận trách nhiệm, thỏa thuận, giải quyết, đưa ra xét xử mà không có ý kiến chính thức bằng văn bản của DBV.
2. DBV sẽ không chấp nhận bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền mà Người được bảo hiểm tự ý giải quyết với Người thứ ba khi chưa có thỏa thuận bằng văn bản của DBV.

Điều 21: Hồ sơ khiếu nại bồi thường.

Khi yêu cầu DBV bồi thường, Người được bảo hiểm phải cung cấp cho DBV những tài liệu sau:

1. Thư khiếu nại đòi bồi thường của Người được bảo hiểm.
2. Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm.
3. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.



4. Bảng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên (tùy theo từng trường hợp cụ thể).
5. Báo cáo tai nạn hoặc tổn thất và/hoặc kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nơi xảy ra tai nạn hoặc bến, cảng đến đầu tiên (nếu tai nạn xảy ra khi tàu đang hành trình).
6. Biên bản giám định của DBV hoặc của Người giám định do DBV chỉ định (nếu có).
7. Biên bản tai nạn do chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giao thông đường thủy hoặc công an lập theo các quy định nhà nước về giao thông đường thủy nội địa.
8. Hoá đơn, chứng từ, thỏa thuận bồi thường cho người thứ ba liên quan đến những chi phí đòi bồi thường.
9. Thư khiếu nại và toàn bộ tài liệu, chứng từ liên quan đến người thứ ba (nếu có).
10. Những chứng từ liên quan khác (trích sao nhật ký hàng hải, sổ hành trình, nhật ký máy, nhật ký thời tiết hay các giấy tờ khác của tàu... tùy theo từng trường hợp cụ thể).

Sau khi DBV nhận được đầy đủ hồ sơ khiếu nại nói trên của Người được bảo hiểm, nếu trong vòng 30 (ba mươi) ngày mà không có yêu cầu gì thêm thì hồ sơ khiếu nại đó được coi là đầy đủ và hợp lệ.

Điều 22: Mức khấu trừ.

1. Khi thanh toán bồi thường, DBV sẽ khấu trừ số tiền quy định đối với mỗi một vụ tổn thất đã được chấp nhận bồi thường. Mức khấu trừ của tàu được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/Đơn bảo hiểm của tàu đó theo thời hạn bảo hiểm.
2. DBV không có trách nhiệm giải quyết bồi thường đối với những vụ tổn thất dưới mức khấu trừ quy định trên.

Điều 23: Thời hạn thanh toán bồi thường.

1. Đối với những yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm, DBV sẽ phải trả lời phương án bồi thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm đầy đủ, hợp lệ của Người được bảo hiểm.
2. Trong trường hợp Người được bảo hiểm không chấp nhận việc DBV từ chối bồi thường đối với một phần của số tiền mà Người được bảo hiểm đã khiếu nại thì DBV sẽ bồi thường trước phần tiền khiếu nại đã được hai bên chấp nhận, số tiền còn lại sẽ được tiếp tục xem xét giải quyết khi Người được bảo

hiểm có văn bản, chứng từ chứng minh thêm hoặc thỏa thuận với DBV về số tiền bồi thường.

CHƯƠNG VII

THỜI HẠN YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ THỜI HIỆU KHỞI KIẾN

Điều 24: Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm

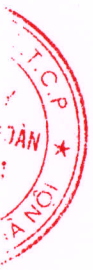
Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

Điều 25: Thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện liên quan đến hợp đồng bảo hiểm hàng hải là 02 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Điều 26: Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

Trừ khi có thỏa thuận khác, mọi tranh chấp có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm giữa Người được bảo hiểm và DBV, nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toà án nơi Người bảo hiểm đặt trụ sở để giải quyết./.



✓